



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Nhật ngữ pháp 1
- Mã học phần: JAP318
- Số tín chỉ: 3 TC (3/0/6)
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần trước: Nhập môn ngành ngôn ngữ Nhật (JAP303)
- Đơn vị phụ trách: Khoa Đông phương học
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Hằng
- Chức danh, học vị: Cử nhân
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0362.033.399
- Email: hangttt2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2 :

- Họ và tên: Nguyễn Công Nguyên
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại: 0797.757.587
- Email: nguyennnc@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 12 bài, học phần sẽ giúp sinh viên nắm chắc 4 loại ký tự dùng trong tiếng Nhật: chữ Hán, chữ Katakana, chữ Hiragana, chữ Romaji.

Dạy các cấu trúc ngữ pháp cơ sở, cung cấp vốn từ vựng cơ sở. Rèn luyện kỹ năng viết câu trong 12 bài (từ bài 1 - 12) của giáo trình Minna no Nihongo trình độ sơ cấp 1.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Kiến thức: Sinh viên sử dụng được những cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhất như: giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, du lịch, hỏi đường,...
- Kỹ năng: Sinh viên nắm được kiến thức ngữ pháp sơ cấp tiếng, vận dụng thành thạo các dạng câu danh từ, động từ, tính từ và các trợ từ có liên quan.
- Thái độ, chuyên cần: Tăng cường tính chủ động, thái độ học tập, làm việc tích cực của sinh viên, truyền cảm hứng học tập ngôn ngữ mới cho sinh viên

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu biết các kiến thức tổng quát về câu động từ, câu danh từ và câu tính từ
CLO2	Biết phân biệt các trợ từ có cách sử dụng tương đồng
CLO3	Kể tên các thì và cách sử dụng
CLO4	Trình bày được nghĩa và cách sử của các mẫu ngữ pháp giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, du lịch, hỏi đường.....
CLO5	Phân tích được các thành phần trong câu động từ, câu danh từ và câu tính từ
Kỹ năng	
CLO6	Viết được những câu văn giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, du lịch, hỏi đường...

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
CLO7	Nghe được những câu văn văn giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, du lịch, hỏi đường...
CLO8	Nói được được những câu văn văn giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, du lịch, hỏi đường...
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO9	Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học; hợp tác làm việc theo cặp/nhóm;
CLO10	Hứng thú với nội dung học phần, tự bản thân nghiên cứu, tự học tại nhà với nền tảng kiến thức đã được cung cấp
CLO11	Sáng tạo, tư duy phản biện trước các vấn đề tranh luận

Chuẩn đầu ra	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
CLO1		X	X										
CLO2		X	X			X	X		X		X		
CLO3		X	X						X				
CLO4		X	X				X		X				
CLO5		X	X	X	X	X		X	X		X		
CLO6			X				X				X		
CLO7			X				X				X		
CLO8			X				X				X		
CLO9							X		X	X	X	X	
CLO10							X		X	X	X	X	

CLO11							X		X	X	X	X	X
-------	--	--	--	--	--	--	---	--	---	---	---	---	---

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Bài học	Nội dung	Đáp ứng CLOs
BÀI 1	1. ～は～です (名前・国籍・身分・職業) 2. ～は～じゃ (では) ありません 3. ～は～ですか 4. ～も～です 5. ～は～の～です (所属) 6. ～は～歳です	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 2	1. これは～です 2. これは～の～です 3. これは(人)の～です (所有) 4. この～は(人)のです。	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 3	1. ここは(場所)です 2. (場所・物・人)はあそこです 3. 国・会社は～です 4. ～は～の～です 5. ～は～円です	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 4	1. 今～時～分です 2. ～は～時から～時までです 3. ～は～曜日と～曜日です 4. ～から～まで～ます 5. ～時に～ます	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11

Bài học	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	6. ～ます/ません/ました/ませんでした 7. 電話番号は～です	
BÀI 5	1. (場所)へ行きます 2. (乗り物)で行きます 3. (人)と行きます 4. (日時)に行きます 5. 誕生日は～月～日です	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 6	1. ～を～ます 2. (場所)で～ます 3. 一緒に～ませんか 4. ～ましょう	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 7	1. ～で～ます(道具・言葉・手段) 2. ～は (言語)で～です 3. 私は(人)に(物)をあげます 4. 私は(人)に/から(物)をもらいます 5. もう～ました/まだです	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 8	1. ～は(な形容詞)です/じゃありません 2. ～は(イ形容詞)です/くないです 3. ～は(な形容詞)な(名詞)です 4. ～は(イ形容詞) (名詞) です	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 9	1. ～は～が好きです 2. ～は～が上手です 3. ～は～が分かります 4. ～は～があります 5. ～から、～ (理由)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 10	1. ～に～がいます 2. ～に～があります 3. ～は～にいます 4. ～は～あります	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 11	1. いくつですか 2. 何台／何枚／何人	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8,

Bài học	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	3. 何回 4. 何日／何週間／何ヶ月／何年／何分／何時 5. どのくらい ～ましたか 6. どのくらい かかりますか	CLO9, CLO10, CLO11
BÀI 12	1. ～は どうでしたか 2. A は B より～ 3. どちらが～ですか 4. ～がいちばん～です	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
5.2.1.	Bài tập cá nhân	CLO6, CLO7, CLO8
	Người học được kiểm tra trên lớp với thời lượng 60 phút	
5.2.2.	Bài tập nhóm	CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11
	- Người học được chia nhóm để thực hiện bài luyện viết, nói theo từng chủ đề ứng với nội dung bài học - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.	

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Tên bài	Số tiết tín chỉ	Ghi chú
---------	-----------------	---------

	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
Bài 1	4			8	12	
Bài 2	4			8	12	
Bài 3	4			8	12	
Bài 4	4			8	12	
Bài 5	3			6	9	
Bài 6	4			8	12	
Bài 7	3			6	9	
Bài 8	4			8	12	
Bài 9	3			6	9	
Bài 10	3			6	9	
Bài 11	4			8	12	
Bài 12	5			10	15	
Tổng	45			90	135	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1.
2.
3.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Giao bài đọc về nhà
- Hướng dẫn tự học

- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Phát vấn	X	X	X	X	X	X					
Vấn đáp		X	X	X	X	X	X	X			
Tư duy cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X
Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Thuyết trình		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm						X	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.

- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- Điểm chuyên cần: 10, trọng số 10%
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30, trọng số 30%

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X						
Bài tập nhóm	X	X	X	X	X	X	X				
Dự lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2017 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

- みんなの日本語初級Ⅰ – 本冊 (NXB 3A Corporation, 2002)
- みんなの日本語初級Ⅰ – 基準問題集(NXB 3A Corporation, 2002)
- みんなの日本語初級Ⅰ – 翻訳–文法解説ベトナム語版 (NXB 3A Corporation, 2009)
- みんなの日本語初級 1 – 書いて覚える文型練習帳 (NXB 3A Corporation, 2002)

13.2. Tài liệu tham khảo

- かな入門 (凡人社、2004)
- 新日本語の基礎Ⅰ, (NXB 3A Corporation、1989)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng khoa/Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

ThS. Nguyễn Thị Hồng Yên

CN. Trần Thị Thanh Hằng